

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **68/2018/HS-ST**

Ngày 26/10/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Phạm Công Gia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng-Thư ký TAND huyện Tân Phú, Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn là Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2018, tại nhà văn hóa thể thao – trung tâm học tập cộng đồng của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tòa án xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 70/2018/TLST-HS ngày 14/9/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2018/QĐXXST-HS ngày 02/10/2018 và Thông báo thay đổi địa điểm mở phiên tòa số 409/TB-TA ngày 12/10/2018, đối với bị cáo: **Lai Minh T**, sinh năm 19...; nơi sinh tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú tại Khu 5, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lai M và con bà Nguyễn T; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/11/2010 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã kết án bị cáo 06 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” (tại Bản án số 285/2010/HSPT); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2018.

- Người làm chứng: Nguyễn Định B, sinh năm 1995; nơi cư trú tại Ấp 6, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; nơi cư trú tại Khu 5, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa: Bị cáo có mặt; người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 22 giờ 15 phút ngày 26/6/2018 Công an thị trấn Tân Phú thực hiện hoạt động kiểm tra hành chính phát hiện bị cáo và các người làm chứng nêu trên đang sử dụng ma túy tại nhà nghỉ Cầu Hiền (địa bàn hành chính của Khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú), bị cáo đang quản lý cất giữ bịch (túi) nylon bên trong có 01 cục vật thể màu trắng (bị cáo trình bày là ma túy đá cất giữ để sử dụng, bị cáo giao nộp vật chứng để Công an tạm giữ), người thi hành công vụ của Cơ quan Công an lập Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2018 Công an huyện Tân Phú gửi vật chứng là 01 cục vật thể màu trắng đến Công an tỉnh Đồng Nai để giám định; Kết luận giám định số 333/CP54-GĐMT ngày

29/6/2018 của Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy đá, loại Methamphetamine, có khối lượng 2,5993 gam;

Cáo trạng số: 66/CT-VKSTP-ĐN ngày 13/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, quyết định truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau : Lời khai của bị cáo phù hợp tài liệu, chứng cứ vụ án, Viện kiểm sát huyện Tân Phú truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo coi thường pháp luật, phạm tội nghiêm trọng nên cần có mức án nghiêm đối với bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lai Minh Tâm phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy vật chứng.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Ngày 26/6/2018 Công an tạm giữ ma túy mà bị cáo mua của người ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ lý lịch) 1.500.000 đồng; toàn bộ nội dung Cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến đối với nội dung Cáo trạng, không có ý kiến trình bày trong phần tranh luận, bị cáo chỉ yêu cầu Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Giai đoạn điều tra, truy tố: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hoạt động tố tụng đúng quy định của pháp luật nên người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại. Do đó, các quyết định tố tụng và hành vi tiến hành tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập các người làm chứng tham gia phiên tòa, người làm chứng không đến tham gia phiên tòa nhưng có lời khai của họ trong quá trình điều tra vụ án, Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ và chứng cứ khác tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo không bổ sung chứng cứ (tài liệu), ý kiến trình bày của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và phù hợp với lời khai của các người làm chứng; căn cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định là các chứng cứ chứng minh: Bị cáo có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy là 2,5993 gam, bị cáo trình bày ý kiến là cất giữ ma túy này để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo có trình độ văn hóa giáo dục phổ thông 9/12, sinh năm 1988 là người có đầy

đủ khả năng nhận thức để nhận biết hành vi vi phạm pháp luật; bị cáo có đủ khả năng lao động để lựa chọn nghề nghiệp nhưng bị cáo không tìm được một nghề nghiệp để có thời gian lao động bổ ích. Điều này thể hiện thái độ, lối sống của bị cáo không có trách nhiệm với bản thân cũng như đối với người thân thích của bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đã bị Tòa án kết án 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” vào năm 2010 cũng là loại tội phạm nghiêm trọng, Tòa án đã quyết định xử phạt tù bị cáo để bị cáo tự giác sửa chữa lỗi lầm, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện tội phạm. Với nhân thân của bị cáo như vậy, chứng minh ý thức của bị cáo không có sự ăn năn, sửa sai, cho thấy đạo đức, tư tưởng bị cáo không tốt, bất chấp quy định pháp luật của Nhà nước.

Khi nghị án, Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu của vụ án, tổng hợp những đặc điểm về nhân thân của bị cáo để giải quyết đúng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, tiếp tục được người trong cơ quan, tổ chức giáo dục lại một lần nữa để bị cáo có sự thay đổi nhận thức mà trở thành người công dân có ý thức tôn trọng đạo đức, chấp hành đúng quy định pháp luật của Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo có hành vi thực hiện tội phạm bị Công an phát hiện bắt quả tang nên mức độ giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo về tình tiết này không nhiều.

Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm công khai để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo, góp phần tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Vật chứng của vụ án xử lý như sau:

Ma túy 2,5001 gam còn lại sau khi giám định là vật (chất) mà Nhà nước cấm lưu hành, tàng trữ cần phải tịch thu tiêu hủy;

03 kéo kim loại; 01 bao thuốc lá hiệu JET màu trắng; 01 bình nhựa để sử dụng ma túy đá; 01 ống thủy tinh dài 18 cm; 02 ống hút nhựa dài 18 cm và 02 bật lửa ga là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cũng cần phải tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Đối với Nguyễn Đình B và Nguyễn Thị T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chưa đến mức phải xử lý hình sự nên Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên luận tội:

Có đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là phù hợp với ý kiến của Hội đồng xét xử về loại hình phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử

có đề nghị đại diện Viện kiểm sát cần phải bổ sung thêm đầy đủ nội dung luận tội nhưng đại diện Viện kiểm sát không đồng ý trình bày bổ sung ý kiến luận tội trong phần tranh luận.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Không nêu lý do vì sao tịch thu tiêu hủy vật chứng, chỉ trình bày đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là không cụ thể; không đánh giá về nhân thân của bị cáo cũng như hành vi vi phạm pháp luật đối với Nguyễn Đình B và Nguyễn Thị T. Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát như vậy là chưa đầy đủ nội dung về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kiểm sát viên đánh giá chưa toàn diện các tình tiết trong vụ án nên đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là khác với mức hình phạt tù mà Hội đồng xét xử đã quyết định phạt bị cáo khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lai Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Lai Minh T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2018.

- Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Ma túy còn lại sau khi giám định là 2,5001 gam; 03 kéo kim loại; 01 bao thuốc lá hiệu JET màu trắng; 01 bình nhựa để sử dụng ma túy đá; 01 ống thủy tinh dài 18 cm; 02 ống hút nhựa dài 18 cm và 02 bật lửa ga (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nhận vật chứng của Công an chuyển đến ngày 14/9/2018 và đang quản lý).

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng (có quyền nhận Bản án);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
- {để thay thông báo kết quả xét xử};*
- Lưu hồ sơ vụ án, TAND huyện Tân Phú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính